

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-ST

Ngày: 25-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Tấn.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phú Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2020/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Tô Văn T, sinh ngày 08/02/2002 tại huyện P, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: tổ 11, ấp T, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Tô Hoài H, sinh năm 1978 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1984.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị tạm giam ngày 04/3/2020 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa:* bà Phạm Thanh Ái Duyên – Trợ giúp viên T tâm trợ giúp nhà nước tỉnh An Giang bào chữa cho bị cáo. (Có mặt).

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Niên Đ, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: số 35 Việt Bắc, khóm Đ, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Hoài T, sinh năm 1996. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Ông Tô Hoài Hiếu, sinh năm 1978. (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô Văn T là người làm thuê cho anh Lê Hoài T, với nhiệm vụ canh giữ cá trên ghe chở cá Thanh Cường. Ngày 03 tháng 3 năm 2020, ghe cá neo đậu tại bến của Công ty Nam Việt tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên. Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 04 tháng 3 năm 2020, T lên bờ đến căn tin Công ty Nam Việt mua thuốc lá nhưng không thấy người bán nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Thực hiện ý định, T vào trong căn tin dùng cây kéo cạy tủ nhôm lấy trộm toàn bộ số tiền mệnh giá từ 1.000 đồng đến 500.000 đồng và các thẻ nạp tiền điện thoại di động mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng của các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel. Khoảng 04 giờ ngày 04 tháng 3 năm 2020, anh Nguyễn Niên Đ là người bán hàng tại căn tin phát hiện bị mất tiền, thẻ nạp điện thoại nên đến Công an phường Mỹ Quý trình báo.

Đến 14 giờ ngày 04 tháng 3 năm 2020, Tô Văn T đến Công an phường Mỹ Quý đầu thú và giao nộp 2.900.000 đồng, 160 thẻ nạp tiền điện thoại gồm: 31 thẻ nạp tiền điện thoại di động Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng, 27 thẻ nạp tiền điện thoại di động Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 44 thẻ nạp tiền điện thoại di động Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 32 thẻ nạp tiền điện thoại di động Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 26 thẻ nạp tiền điện thoại di động Mobifone mệnh giá 20.000 đồng, với tổng giá trị là 4.970.000 đồng.

Quá trình điều tra, Tô Văn T khai: Sau khi lấy trộm tiền và thẻ nạp tiền điện thoại di động của anh Đ, T đem xuống ghe lấy tiền mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng, 500.000 đồng, các thẻ nạp tiền điện thoại mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel, còn tiền mệnh giá từ 1.000 đồng đến 50.000 đồng và nhiều thẻ nạp tiền điện thoại di động để vào túi nylon ném xuống sông. T sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân 1.750.000 đồng, còn lại 2.900.000 đồng và 160 thẻ nạp tiền điện thoại di động T cất giấu trong ghe cá.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT.VKS ngày 10 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên đã truy tố bị cáo Tô Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo Tô Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Tô Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: do bị cáo và bị hại không xác định được tổng số tiền và thẻ nạp tiền điện thoại bị mất nên chỉ đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về số tiền, thẻ nạp tiền điện thoại mà bị cáo đã giao nộp và tiêu xài là

9.620.000 đồng. Hiện bị hại đã nhận lại số tiền và thẻ nạp tổng cộng 7.870.000 đồng do đó đối với việc bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 15.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 1.750.000 đồng. Đồng thời trả 7.870.000 đồng cho bị cáo.

Đối với việc ông Nguyễn Niên Đ khai không xác định được số tiền và thẻ nạp điện thoại bị mất. Tô Văn T khai không xác định được đã ném bao nhiêu tiền và thẻ nạp tiền điện thoại. Ngoài lời khai của ông Đ, bị cáo T thì không còn chứng cứ nào khác nên chỉ đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với T về số tiền, thẻ nạp tiền điện thoại do T giao nộp và đã tiêu xài.

Bị cáo Tô Văn T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, yêu cầu được nhận lại 7.870.000 đồng do nộp thừa số tiền khắc phục hậu quả.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm:

- Về tội danh: thống nhất không tranh luận.
- Về hình phạt: thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra, bị hại trình bày: Tài sản bị mất trộm là tiền và thẻ cào điện thoại như nội dung vụ án đã nêu. Bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại 15.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Hoài Hiếu trình bày: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử có nộp thay cho bị cáo số tiền 9.620.000 đồng. Ông thống nhất với yêu cầu của bị cáo về việc nhận lại 7.870.000 đồng do nộp thừa số tiền khắc phục hậu quả. Ngoài ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại và người liên quan Lê Hoài T vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây

cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Tô Văn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, đặc điểm số tiền và thẻ nạp điện thoại mà bị cáo lấy trộm, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với việc ông Nguyễn Niên Đ khai không xác định được số tiền và thẻ nạp điện thoại bị mất. Tô Văn T khai không xác định được đã ném bao nhiêu tiền và thẻ nạp tiền điện thoại. Ngoài lời khai của ông Đ, bị cáo T thì không còn chứng cứ nào khác nên chỉ đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với T về số tiền, thẻ nạp tiền điện thoại do T giao nộp và đã tiêu xài

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng thời gian ban đêm vắng người, sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, thực hiện hành vi lén lút dùng kéo cạy tủ nhôm lấy trộm tiền và thẻ nạp tiền điện thoại của ông Nguyễn Niên Đ, bà Nguyễn Thị Kim N với tổng giá trị 9.620.000 đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lẽ ra bị cáo phải cố gắng lao động, rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức, tự tạo thu nhập nuôi sống bản thân trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động cực nhọc bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, điều này thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Niên Đ, bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng tuy nhiên chỉ có đủ căn cứ xác định được trách nhiệm hình sự của bị cáo đối với số tiền và thẻ nạp tiền điện thoại di động tổng trị giá 9.620.000 đồng. Trong quá trình điều tra thì ông Đ bà N đã nhận lại được 160 thẻ nạp điện thoại và 2.900.000 đồng, với tổng giá trị 7.870.000 đồng. Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 1.750.000 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cha bị cáo là ông Tô Hoài Hiếu đã nộp thay cho bị cáo số tiền 9.620.000 đồng. Do đó, đối với số tiền 1.750.000 đồng buộc bị cáo bồi thường cho bị hại, bị cáo đã nộp xong theo Biên lai thu tiền số 0004532 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Tại phiên tòa, bị cáo yêu cầu được nhận lại số tiền còn thừa 7.870.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của bị cáo là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Do bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật và tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tô Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 2 Điều 135, Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Tô Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2020.

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Niên Đ, bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Bị cáo đã nộp xong theo Biên lai thu tiền số 0004532 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Tiếp tục quản lý số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0004532 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân

sự thành phố Long Xuyên để đảm bảo cho việc thi hành án. Đối với số tiền còn thừa 7.870.000 đồng (*Bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*) giao trả cho bị cáo.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Hoài Hiếu được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hoài T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Long Xuyên (2);
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang(1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Chi cục THADS TP Long Xuyên (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng (12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên